TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 55/2022/TCDS- ST
Ngày: 09/12/2022.
V/v: *Tranh chấp hợp đồng Mua bán hàng hóa*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn
Ông Nguyễn Ngọc Vân
Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 114/2022/TLST- TCDS ngày 28/10/2022 về " *Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXX ST- TCDS ngày 15 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2022/QĐST- TCDS ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Xuân Kh, sinh năm 1967; cư trú tại: Số nhà 22, T, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

-*Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968; cư trú tại: Thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1963; cư trú tại: Thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1969; cư trú tại: Số nhà 22, T, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân Kh trình bày: Ông làm nghề kinh doanh lương thực có đại lý tại địa chỉ khu 11, đường H, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Ông và vợ chồng bà Th, ông V có mối quan hệ quen biết. Qua giới thiệu của bạn bè, bà Th, ông V hỏi mua gạo của ông. Ông đồng ý bán gạo cho vợ chồng

bà Th. Hai bên mua bán từ ngày 12/9/2020 đến ngày 02/7/2021. Do vợ chồng bà Th không thanh toán dứt điểm số tiền mua gạo nên ông không bán gạo cho vợ chồng bà Th. Tính đến ngày 27/01/2022, hai bên chốt nợ với nhau và xác định vợ chồng bà Th nợ tổng số tiền mua gạo chưa trả là 431.475.000 đồng (Bốn trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng). Hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ như sau:

Đợt 1: Ngày 20/2/2022 vợ chồng bà Th có trách nhiệm trả ông 200.000.000 đồng.

Đợt 2: Ngày 20/5/2022 vợ chồng bà Th có trách nhiệm trả ông 231.475.000 đồng.

Đến hạn trả nợ, mặc dù ông đôn đốc và nhiều lần đến nhà bà Th yêu cầu vợ chồng bà Th trả nợ nhưng vợ chồng bà Th không trả nợ. Việc ông kinh doanh bán gạo cho vợ chồng bà Th, vợ ông là bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1969 có nắm được. Mục đích bán gạo để kiếm thu nhập phục vụ đời sống sinh hoạt gia đình. Đây là tài sản chung của vợ chồng nên ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà Th trả số nợ cho vợ chồng ông số tiền mua gạo còn nợ là 431.475.000 đồng (Bốn trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng). Ông không yêu cầu tính lãi.

Bà Nguyễn Thị Th là bị đơn trình bày: Bà làm nghề kinh doanh gạo. Bà và ông Nguyễn Xuân Kh có mối quan hệ quen biết nhau. Ông Kh có đại lý gạo tại thành phố H. Từ năm 2020, bà mua gạo từ đại lý của ông Kh. Hai bên giao dịch mua bán không có vấn đề gì đến năm 2021 do ảnh hưởng dịch bệnh nên bà nợ tiền mua gạo của ông Kh. Tính đến ngày 27/01/2022 dương lịch, hai bên chốt nợ với nhau và thống nhất bà còn nợ ông Kh số tiền mua gạo chưa trả là 431.475.000 đồng (Bốn trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng). Hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ như sau:

Đợt 1: Ngày 20/2/2022 bà có trách nhiệm trả ông Kh 200.000.000 đồng.

Đợt 2: Ngày 20/5/2022 bà có trách nhiệm trả ông Kh nốt số tiền còn lại là 231.475.000 đồng.

Do làm ăn khó khăn, dịch bệnh ảnh hưởng nên bà chưa có khả năng trả nợ cho ông Kh. Bà xác định việc mua gạo của ông Kh do một mình bà trực tiếp giao dịch với ông Kh chồng bà là ông Nguyễn Đức V không liên quan gì đến việc mua bán này. Sở dĩ, ông V ký vào biên bản chốt nợ giữa các bên do ông Kh không tin tưởng bà nên bảo ông V ký vào để chắc chắn việc trả nợ. Thực chất việc mua bán gạo chỉ có bà và ông Kh biết và giao dịch với nhau. Ông Kh yêu cầu bà trả nợ, bà nhất trí trả số nợ 431.475.000 đồng (Bốn trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng) cho ông Kh. Việc ông Kh yêu cầu bà và ông V cùng liên đới trả nợ thì bà không đồng ý. Ông Kh không yêu cầu tính lãi suất, bà đồng ý.

Bà Nguyễn Thị Ng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà

là vợ ông Nguyễn Xuân Kh. Bà hoàn toàn nhất trí với ý kiến của ông Kh đã trình bày tại Tòa án. Việc ông Kh kinh doanh buôn bán gạo mục đích để kiếm thu nhập phục vụ cho gia đình. Đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà Th, ông V trả số nợ cho vợ chồng bà số tiền mua gạo còn nợ là 431.475.000 đồng (Bốn trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Bà không yêu cầu trả lãi. Do bận công việc, đi lại khó khăn, bà đề nghị Tòa án cho bà vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tôi đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Đức V là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Th. Hiện ông và bà Th là vợ chồng và cùng sinh sống với nhau tại thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Bà Th làm nghề kinh doanh gạo nên thường đi lấy gạo ở các đại lý trong đó có đại lý của ông Nguyễn Xuân Kh ở thành phố H. Việc kinh doanh gạo để phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, bà Th giao dịch mua bán gạo với ông Kh thế nào ông không nắm được. Hai bên nợ nhau tiền bao nhiêu ông không rõ vì việc kinh doanh gạo do một mình bà Th đảm nhiệm. Ngày 27/01/2022, ông Kh đến gia đình ông để chốt nợ với bà Th về số tiền bà Th chưa thanh toán. Sau khi ông Kh và bà Th chốt với nhau số nợ cũng như thời gian trả nợ thì ông Kh yêu cầu ông ký vào sổ của ông Kh. Lý do ông Kh yêu cầu ông ký là để chắc chắn việc bà Th phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Kh. Ông xác nhận có ký, ghi rõ họ tên vào sổ dưới phần nội dung chốt nợ giữa ông Kh và bà Th (theo tài liệu ông Kh cung cấp cho Tòa án) tuy nhiên ông xác định không liên quan gì đến khoản nợ của ông Kh. Ông không mua bán gì với ông Kh. Nay ông Kh yêu cầu ông và bà Th cùng liên đới trả nợ cho ông Kh số tiền còn nợ là 431.475.000 đồng (Bốn trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), ông không đồng ý. Trách nhiệm trả số nợ 431.475.000 đồng thuộc về bà Th, không liên quan gì đến ông. Vì lý do bận công việc nên ông đề nghị Tòa án cho được vắng mặt khi hòa giải và xét xử vụ án án trên.

Tại phiên tòa các đương sự trình bày:

-Nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân Kh thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà Th, ông V trả số tiền là 431.400.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Ông là người kinh doanh nhỏ lẻ không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Bà Th xin trả số tiền còn nợ làm 02 lần ông không đồng ý.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà kinh doanh gạo nhưng không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Nay ông Kh yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 431.400.000 đồng bà đồng ý, nhưng kinh tế hiện nay gặp khó khăn, bà xin trả làm 02 đợt cụ thể: Tháng 6 năm 2023 trả 200.000.000 đồng, tháng 12 năm 2023 trả 231.400.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật

của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Trên cơ sở lời khai, chứng cứ thu thập được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đức V trả ông Nguyễn Xuân Kh bà Nguyễn Thị Ng số tiền 431.400.000 đồng; tiền lãi, không đặt ra xem xét. Về án phí Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đức V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về thẩm quyền*: Ông Nguyễn Xuân Kh có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Đây là tranh chấp dân sự, các bên không tự giải quyết được. Bà Nguyễn Thị Th là bị đơn cư trú tại: Thôn Th, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về thời hiệu*:

Từ ngày 12/9/2020 đến ngày 02/7/2021, bà Nguyễn Thị Th mua gạo của ông Nguyễn Xuân Kh. Ngày 27 tháng 01 năm 2022 hai bên chốt số nợ, xác định vợ chồng bà Th nợ ông Kh tổng số tiền mua gạo chưa trả là 431.475.000 đồng (Bốn trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ như sau:

Đợt 1: Ngày 20/2/2022 vợ chồng bà Th có trách nhiệm trả ông Khoa 200.000.000 đồng.

Đợt 2: Ngày 20/5/2022 vợ chồng bà Th có trách nhiệm trả ông Khoa 231.475.000 đồng.

Đến hạn vợ chồng bà Th, ông V không thực hiện. Ngày 20 tháng 10 năm 2022 ông Nguyễn Xuân Kh nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện V. Áp dụng Điều 429 của Bộ luật Dân sự đảm bảo thời hiệu khởi kiện.

[1.3] *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Ng và ông Nguyễn Đức V là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bà Nguyên và ông Vân có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Xuân Kh về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đức V trả số tiền 431.400.000 đồng: Căn cứ giấy xác nhận nợ ghi ngày 27/01/2022; căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đủ căn cứ xác định: Ông Nguyễn Xuân Kh bán gạo cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đức V đảm bảo về số lượng

và chất lượng. Bà Th và ông V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hàng theo thỏa thuận. Giấy xác nhận bà Th, ông V nợ ông Khoa số tiền 431.475.000 đồng là có thật.

Ngoài ra, ông V xác định ông và bà Th là vợ chồng, việc bà Th mua bán gạo với ông Kh thế nào ông không biết, bà Th kinh doanh gạo để phát triển kinh tế gia đình, sau khi ông Kh và bà Th chốt số nợ ông V ký vào sổ. Xét thấy việc bà Th kinh doanh gạo nhằm phát triển kinh tế gia đình, ông V ký vào sổ chốt nợ. Nay ông Nguyễn Xuân Kh tự nguyện yêu cầu bà Th, ông V liên đới trả số tiền còn nợ là 431.400.000 đồng, căn cứ Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 288, 430, 431, 432, 433, 434 và 440 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Xuân Kh.

[3.2] Ông Nguyễn Xuân Kh không yêu cầu bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đức V trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Tại phiên tòa nên các đương sự không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Kh được chấp nhận toàn bộ nên ông Kh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đức V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 288, 429, 430, 431, 432, 433 434 và 440 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Kh.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đức V liên đới phải trả ông Nguyễn Xuân Kh và bà Nguyễn Thị Ng số tiền 431.400.000 đồng (bằng chữ: *Bốn trăm ba mốt triệu bốn trăm nghìn đồng*)

2. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Đức V liên đới phải chịu 21.256.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Xuân Kh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Kh 10.629.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006591 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

3. *Về nghĩa vụ thi hành án:*

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liênquan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hương